TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **77**/2024/DS-ST
Ngày: 04-7-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn H
2. Ông Phạm Văn Nam

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2024/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Văn D, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp N, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1991; Địa chỉ: 40/1 ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre; Địa chỉ liên hệ: Quốc lộ 60, Khu phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn B, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H *(tên thường gọi Dứt)*, sinh năm 1966; Cùng địa chỉ: ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị H có mặt.

Ông Ngô Văn B đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do.

3. NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2024 của nguyên đơn Võ Văn D, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim Huyền trình bày:

Anh Võ Văn D là hộ kinh doanh buôn bán lương thực, thức ăn chăn nuôi có đăng ký kinh doanh.

Vào năm 2015, anh D bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị H. Hình thức hợp đồng miệng, mỗi bên giữ một quyển sổ theo dõi thức ăn. Hai bên thỏa thuận khi nào heo xuất chuồng thì ông B và bà H sẽ thanh toán tiền cho anh D. Đến năm 2019, hai bên kết thúc hợp đồng và thống nhất số nợ ông B và bà H còn nợ anh D là 282.114.000 đồng. Anh D thỏa thuận cho ông B và bà H đến tháng 6/2020 trả tất nợ nhưng đến hẹn không trả nên anh D cho ông B bà bà H hẹn đến tháng 5/2021 thanh toán. Tuy nhiên, ông B và bà H vẫn không thanh toán nợ đúng hạn. Cách đây khoảng 01 năm, anh D có đến yêu cầu thanh toán nhưng ông B và bà H chỉ hứa trả mà không thực hiện.

Anh D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Nay anh D yêu cầu ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền nợ gốc mua bán thức ăn chăn nuôi heo là 282.114.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2021 đến ngày Tòa xét xử, lãi suất 0,83%/tháng.

Tại bản tự khai, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có mua thức ăn chăn nuôi heo của anh Võ Văn D. Ban đầu là mua của cha mẹ anh D, sau đó là mua của anh D. Hình thức hợp đồng miệng, mỗi bên giữ một quyển sổ theo dõi thức ăn. Hai bên thỏa thuận khi nào heo xuất chuồng thì vợ chồng bà sẽ thanh toán tiền cho anh D. Đến năm 2019, hai bên kết thúc hợp đồng do bị dịch bệnh heo Châu Phi và thống nhất số nợ vợ chồng bà còn nợ anh D là 282.114.000 đồng. Sau đó, anh D yêu cầu vợ chồng bà phải trả mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà chỉ đồng ý trả mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh D không đồng ý nên vợ chồng bà chưa thanh toán cho anh D số tiền nào. Cách đây khoảng 01 năm, anh D có đến đòi tiền nhưng vợ chồng bà không có khả năng nên có hứa khi nào có tiền sẽ trả.

Nay bà đồng ý liên đới cùng ông Ngô Văn B hoàn trả cho anh Võ Văn D số tiền nợ gốc mua bán thức ăn chăn nuôi heo còn nợ là 282.114.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà không trả lãi và xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi H nợ.

Bị đơn ông Ngô Văn B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông B.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự là cơ bản đảm bảo theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn ông Ngô Văn B không thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn D.

Buộc ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị H (D) có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh Võ Văn D số tiền nợ gốc mua bán thức ăn chăn nuôi 282.114.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/5/2021 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 25/4/2024, anh Võ Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh D số tiền nợ mua bán thức ăn chăn nuôi heo và tiền lãi phát sinh. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* được quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn ông B và bà H có nơi cư trú tại ấp Phú Hữu, xã Cẩm Sơn, huyện Mỏ Cày Nam nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Đối với bị đơn Ngô Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô Văn B là phù hợp.

[1.3] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Võ Văn D là chị Nguyễn Thị Kim Huyền thay đổi yêu cầu khởi kiện so với đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2024. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] **Về nội dung vụ án:**

Nguyên đơn anh Võ Văn D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền nợ gốc mua bán thức ăn chăn nuôi heo là 282.114.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2021 đến ngày Tòa xét xử, lãi suất 0,83%/tháng. Bị đơn bà Nguyễn Thị H đồng ý trả số tiền nợ gốc nhưng xin trả dần, không đồng ý trả lãi. Do các đương sự không thỏa thuận được nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2.1] Đối với số tiền nợ gốc: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất giữa anh D và ông B, bà H có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo, hình thức hợp đồng miệng, hai bên đều có lập sổ theo dõi nên xác định việc mua bán này là có thật và buộc các bên phải thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận. Phía bị đơn bà H thừa nhận còn nợ anh D số tiền nợ gốc 282.114.000 đồng và đồng ý hoàn trả cho ông Long số tiền này nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị đơn ông B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông B. Mặc khác, ông B mặc dù đã được nhận thông báo thụ lý vụ án và thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án nhưng ông B không có ý kiến phản bác. Xét thấy, ông B và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với anh D và anh D không đồng ý để ông B và bà H trả dần nên buộc ông B và bà H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh D số tiền 282.114.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Anh D yêu cầu tính lãi đối với số tiền 282.114.000 đồng tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm (ngày 04/7/2024) mức lãi suất 0,83%/tháng. Ông B và bà H không đồng ý tính lãi do điều kiện hoàn cảnh khó khăn.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền *"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này"*. Như vậy, việc anh D yêu cầu ông B và bà H phải liên đới trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở chấp nhận. Xét thấy, căn cứ vào giấy tập học sinh không tiêu đề xác định thời điểm các bên thống nhất lại số tiền

ông B và bà H còn nợ anh D vào ngày 06/10/2019. Tuy nhiên, anh D thỏa thuận cho ông B và bà H đến tháng 6/2020 trả tất nợ nhưng đến hẹn không trả nên anh D cho ông B bà bà H hẹn đến tháng 5/2021 thanh toán. Tuy nhiên, ông B và bà H vẫn không thanh toán nợ đúng hạn. Vì vậy, việc anh D yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2021 đến ngày Tòa xét xử là phù hợp. Vì vậy, tiền lãi được tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày Tòa xét xử (ngày 04/7/2024) với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau: (282.114.000 đồng x 0,83%/tháng) x 38 tháng 03 ngày = 89.212.000 đồng.

[2.3] Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi ông B và bà H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh D là 371.326.000 đồng. Trong đó: Tiền vốn là 282.114.000 đồng và tiền lãi là 89.212.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả: 371.326.000 đồng x 5% = 18.566.000 đồng.

[4] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn D.

Buộc ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị H (tên thường gọi Dứt) có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho anh Võ Văn D tổng số tiền vốn và lãi là 371.326.000 đồng (Ba trăm bảy mươi mốt triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Trong đó: Tiền vốn là 282.114.000 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu một trăm mười bốn nghìn đồng) và tiền lãi là 89.212.000 đồng (Tám mươi chín triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu 18.566.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn trả cho anh Võ Văn D số tiền tạm ứng án phí 8.985.000 đồng (Tám triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005401 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKS nhân dân huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Lê Chí Nhân